

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	06 - 21
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102458631 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 7 năm 2020

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Chu Ngọc Lâm	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Lượng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Tấn	Thành viên
Bà Mai Thị Hồng Tuyết	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Mai Thị Hồng Tuyết	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Dương Đức Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bản Việt đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng

Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Thị Hồng Tuyết

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng được lập ngày 16 tháng 05 năm 2023, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa nhận được các đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính 31/12/2020 và 31/12/2021, cụ thể:

Tài khoản	Đơn vị: đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.776.160.241	1.776.160.241
Phải thu khác	493.259.259	5.532.125.024
Phải trả người bán	2.030.703.321	2.030.703.321

Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và tính đầy đủ của số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng của của chúng đến khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Do hạn chế từ phía đơn vị, chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán về khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 với giá trị (3.736.268.959) đồng để đưa ý kiến nhận xét về tính đầy đủ và chính xác của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Chúng tôi đã không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 do được Công ty bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc năm tài chính. Mặt khác do hạn chế từ phía đơn vị với các biện pháp thay thế khác chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng để chúng tôi có thể khẳng định được tính hiện hữu và sở hữu của hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Vì vậy, chúng tôi chỉ thực hiện việc kiểm tra tính hiện hữu và sở hữu của khoản mục này trên sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan do Công ty cung cấp.

Trong năm 2021, Công ty đang tạm trích khấu hao tài sản cố định với giá trị 4.000.000.000 đồng vào kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ là đang không phù hợp với quy định về quản lý và khấu hao tài sản cố định hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Mục số 02 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2021, Tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn hơn 356,16 tỷ đồng, lỗ lũy kế đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu hơn 165,54 tỷ đồng, đồng thời trong năm công ty không có dòng tiền về hoạt động sản xuất kinh doanh. Các yếu tố này cho thấy tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



Đông Phương Tiến

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4215-2021-338-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023

Trần Xuân Quang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4492-2023-338-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		54.374.251.081	59.428.978.460
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.980.451	6.393.065
111	1. Tiền		6.980.451	6.393.065
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.756.881.473	36.812.196.238
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	11.510.135.738	11.527.335.738
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.282.874.924	2.282.874.924
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	18.394.872.324	23.432.987.089
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(431.001.513)	(431.001.513)
140	IV. Hàng tồn kho	8	22.546.298.566	22.546.298.566
141	1. Hàng tồn kho		26.282.567.525	26.282.567.525
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.736.268.959)	(3.736.268.959)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.090.591	64.090.591
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		63.361.084	63.361.084
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	729.507	729.507
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		190.627.970.273	194.627.970.273
220	II. Tài sản cố định		190.627.970.273	194.627.970.273
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	190.627.970.273	194.627.970.273
222	- Nguyên giá		249.875.172.471	249.875.172.471
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.247.202.198)	(55.247.202.198)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		245.002.221.354	254.056.948.733

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		410.542.530.273	397.071.264.044
310	I. Nợ ngắn hạn		410.542.530.273	397.071.264.044
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	24.066.964.691	23.012.699.112
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	7.580.453.504	6.628.604.169
319	3. Phải trả ngắn hạn khác		398.766.484	398.766.484
320	4. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	377.743.497.362	366.278.346.047
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		752.848.232	752.848.232
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(165.540.308.919)	(143.014.315.311)
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	(165.540.308.919)	(143.014.315.311)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		46.046.888	46.046.888
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.307.827.997	1.307.827.997
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(266.894.183.804)	(244.368.190.196)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(244.368.190.196)	(230.565.161.607)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(22.525.993.608)	(13.803.028.589)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		245.002.221.354	254.056.948.733



Đoàn Thị Nhung

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023



Đoàn Thị Nhung

Phụ trách kế toán



Mai Thị Hồng Tuyết

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	587.578.500
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	587.578.500
11	4. Giá vốn hàng bán		-	873.305.906
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	(285.727.406)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		3.386	-
22	7. Chi phí tài chính	14	17.567.031.659	13.491.352.171
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.567.031.659	13.491.352.171
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		7.116.000	25.949.012
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(17.574.144.273)	(13.803.028.589)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	15	4.951.849.335	-
40	13. Lợi nhuận khác		(4.951.849.335)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(22.525.993.608)	(13.803.028.589)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(22.525.993.608)	(13.803.028.589)



Đoàn Thị Nhung

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023



Đoàn Thị Nhung

Phụ trách kế toán



Mai Thị Hồng Tuyết

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
06	1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		17.203.386	49.038.440
07	2. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.616.000)	(53.575.648)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		587.386	(4.537.208)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		587.386	(4.537.208)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.393.065	10.930.273
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	6.980.451	6.393.065



Đoàn Thị Nhung

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023



Đoàn Thị Nhung

Phụ trách kế toán



Mai Thị Hồng Tuyết

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102458631 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 09 tháng 7 năm 2020

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất gia công thép, vật liệu xây dựng, các mặt hàng cơ khí khung nhôm, sản phẩm đồ gỗ và lâm sản trang trí nội thất, kinh doanh nhập khẩu sắt thép, phôi thép, cán thép, vật liệu xây dựng,...

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Khả năng tiếp tục hoạt động

Tại ngày 31/12/2021, Tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn hơn 356,16 tỷ đồng, lỗ lũy kế đã vượt quá vốn góp của chủ sở hữu hơn 165,54 tỷ đồng, đồng thời trong năm công ty không có dòng tiền về hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều này cho thấy sự mất cân đối về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty trong năm tài chính tiếp theo có thể ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty vẫn kế hoạch tăng trưởng doanh thu trong thời gian tới và đang thực hiện các thủ tục đề xin khoan nợ, giãn nợ đối với các khoản vay nợ đến hạn trả trong năm tài chính tiếp theo. Công ty cũng đang có kế hoạch huy động thêm vốn đầu tư của các cổ đông tiềm năng trong thời gian tới. Ban Giám đốc cho rằng tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong thời gian tới là hoàn toàn khả thi, Công ty vẫn đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư trong năm 2023. Vì vậy, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục.

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.6. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm

2.7. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.10. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Tiền mặt	-	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.980.451	6.393.065
	6.980.451	6.393.065

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội	11.079.134.225	11.096.334.225
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tuấn Minh	431.001.513	431.001.513
	11.510.135.738	11.527.335.738
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	11.510.135.738	11.527.335.738
	11.510.135.738	11.527.335.738
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	11.079.134.225	11.096.334.225
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 17)		

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn		
Ngắn hạn		
- Cty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC	5.000.000	5.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Phú Sơn	18.000.000	18.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Nội	2.259.874.924	2.259.874.924
	2.282.874.924	2.282.874.924
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	2.259.874.924	2.259.874.924
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 17)		

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.776.160.241	-	1.776.160.241	-
+ Nguyễn Thị Minh Tuyết	1.623.271.740	-	1.623.271.740	-
+ Đối tượng khác	152.888.501	-	152.888.501	-
- Phải thu khác	16.618.712.083	-	21.656.826.848	-
+ Cty CP Công Nghệ Điện Tử Vinachiva	1.871.292.000	-	1.871.292.000	-
+ Công ty CP Tập đoàn Gang thép Hà Nội	14.253.409.824	-	14.253.409.824	-
+ Đối tượng khác	493.259.259	-	5.532.125.024	-
	18.394.872.324	-	23.432.987.089	-

7. NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	431.001.513	-	431.001.513	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Tuấn Minh	431.001.513	-	431.001.513	-
	431.001.513	-	431.001.513	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	9.834.988.602	-	9.834.988.602	-
- Công cụ, dụng cụ	4.603.245.942	-	4.603.245.942	-
- Thành phẩm	11.844.332.981	(3.736.268.959)	11.844.332.981	(3.736.268.959)
	26.282.567.525	(3.736.268.959)	26.282.567.525	(3.736.268.959)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.235.684.134	244.339.488.337	1.300.000.000	249.875.172.471
Số dư cuối năm	4.235.684.134	244.339.488.337	1.300.000.000	249.875.172.471
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.235.684.134	50.849.018.072	162.499.992	55.247.202.198
- Khấu hao trong năm	-	3.870.000.000	130.000.000	4.000.000.000
Số dư cuối năm	4.235.684.134	54.719.018.072	292.499.992	59.247.202.198
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	193.490.470.265	1.137.500.008	194.627.970.273
Tại ngày cuối năm	-	189.620.470.265	1.007.500.008	190.627.970.273

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng

Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Vay ngắn hạn	366.278.346.047	366.278.346.047	11.465.151.315	-	377.743.497.362	377.743.497.362
	366.278.346.047	366.278.346.047	11.465.151.315	-	377.743.497.362	377.743.497.362

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2021	01/01/2021
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC)	VND	5,8% - 7,2%/năm	TS thế chấp	377.604.183.362	366.139.032.047
- Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết	VND		Tín chấp	40.000.000	40.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	VND		Tín chấp	60.000.000	60.000.000
- Ông Nguyễn Xuân Thom	VND		Tín chấp	39.314.000	39.314.000
				377.743.497.362	366.278.346.047

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP XNK Máy và Phụ tùng	9.763.565.848	9.763.565.848	9.321.428.197	9.321.428.197
- Công ty CP XNK Máy và Phụ tùng - CN Đông Anh	12.272.695.522	12.272.695.522	11.660.567.594	11.660.567.594
- Phải trả các đối tượng khác	2.030.703.321	2.030.703.321	2.030.703.321	2.030.703.321
	24.066.964.691	24.066.964.691	23.012.699.112	23.012.699.112
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
- Phải trả người bán ngắn hạn	24.066.964.691	24.066.964.691	23.012.699.112	23.012.699.112
	24.066.964.691	24.066.964.691	23.012.699.112	23.012.699.112

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng

Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.350.639.485		-		-		-		3.350.639.485	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	729.507		-		-		-		729.507		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		3.456.668		-		-		-		3.456.668	
Các loại thuế khác	-		90.075.618		3.000.000		3.000.000		-		90.075.618	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		3.184.432.398		951.849.335		-		-		4.136.281.733	
	729.507		6.628.604.169		954.849.335		3.000.000		729.507		7.580.453.504	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng

Số 360 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	46.046.888	1.307.827.997	(230.565.161.607)	(129.211.286.722)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(13.803.028.589)	(13.803.028.589)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	46.046.888	1.307.827.997	(244.368.190.196)	(143.014.315.311)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	46.046.888	1.307.827.997	(244.368.190.196)	(143.014.315.311)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(22.525.993.608)	(22.525.993.608)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	46.046.888	1.307.827.997	(266.894.183.804)	(165.540.308.919)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC)	51.841.000.000	51,84%	51.841.000.000	51,84%
- Ông Mai Xuân Lượng	34.228.040.000	34,23%	34.228.040.000	34,23%
- Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết	5.113.560.000	5,11%	5.113.560.000	5,11%
- Các cổ đông khác	8.817.400.000	8,82%	8.817.400.000	8,82%
	100.000.000.000	100%	100.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	46.046.888	46.046.888
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.307.827.997	1.307.827.997
	1.353.874.885	1.353.874.885

14. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	17.567.031.659	13.491.352.171
	17.567.031.659	13.491.352.171

15. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ bị loại	4.000.000.000	-
Các khoản bị phạt	951.849.335	-
	4.951.849.335	-

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(22.525.993.608)	(13.803.028.589)
Các khoản điều chỉnh tăng	4.951.849.335	-
- Chi phí không hợp lệ	4.951.849.335	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(17.574.144.273)	(13.803.028.589)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính

	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt	Cùng chủ sở hữu	11.079.134.225	11.096.334.225
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt	Cùng chủ sở hữu	14.253.409.824	14.253.409.824
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gang thép Hà Việt	Cùng chủ sở hữu	2.259.874.924	2.259.874.924
Vay và nợ thuế tài chính			
Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC)	Chủ sở hữu	377.604.183.362	366.139.032.047

18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được lập bởi Công ty Cổ phần Thép và Vật liệu Xây dựng.



Đoàn Thị Nhung

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023



Đoàn Thị Nhung

Phụ trách kế toán



Mai Thị Hồng Tuyết

Tổng Giám đốc

